

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Kỹ thuật lạnh ứng dụng  
(22803201)

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

| STT | Mã SV      | Họ và Tên          | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|---------|
| 1   | 2123180057 | Đặng Quốc Bảo      | 16/06/2005 | CCQ2318B | 1           | Bao       | 4.7        | 4,5         | 4,6     |         |
| 2   | 2123180069 | Huỳnh Công Bảo     | 03/12/2005 | CCQ2318B | 1           | Bao       | 8.0        | 6,0         | 6,8     |         |
| 3   | 2123180029 | Phạm Đức Bảo       | 13/06/2005 | CCQ2318A | 1           | Bao       | 4.0        | 3,0         | 3,4     |         |
| 4   | 2123180011 | Trần Tấn Bảo       | 02/04/2005 | CCQ2318A | 1           | Bao       | 7.7        | 3,0         | 4,9     |         |
| 5   | 2123180035 | Trần Tiến Bình     | 21/09/2005 | CCQ2318A | 1           | Binh      | 6.7        | 2,0         | 3,9     |         |
| 6   | 2123180003 | Trương Văn Bon     | 23/07/2005 | CCQ2318A | 1           | Bon       | 7.3        | 4,5         | 5,6     |         |
| 7   | 2123180012 | Nguyễn Đức Cảnh    | 11/07/2005 | CCQ2318A | 1           | Canh      | 8.7        | 5,5         | 6,8     |         |
| 8   | 2123180010 | Võ Hoàng Chánh     | 28/10/1995 | CCQ2318A | 1           | Ch        | 7.7        | 7,0         | 7,3     |         |
| 9   | 2123180041 | Võ Văn Đại         | 09/08/2005 | CCQ2318B |             |           | 0.0        |             |         | ✓       |
| 10  | 2123180067 | Nguyễn Văn Danh    | 26/03/2005 | CCQ2318B | 1           | Danh      | 6.0        | 4,0         | 4,8     |         |
| 11  | 2123180043 | Phan Văn Định      | 31/12/2005 | CCQ2318B | 2           | Dinh      | 6.0        | 5,5         | 5,7     |         |
| 12  | 2123180061 | Lương Duy Doan     | 06/03/2005 | CCQ2318B | 1           | Doan      | 6.3        | 4,0         | 4,9     |         |
| 13  | 2123180050 | Nguyễn Quang Đông  | 23/11/2005 | CCQ2318B | 1           | Dong      | 6.7        | 5,5         | 6,0     |         |
| 14  | 2123180039 | Huỳnh Thái Dương   | 10/01/2005 | CCQ2318B | 1           | Du        | 6.3        | 4,5         | 5,2     |         |
| 15  | 2123180124 | Lê Quang Duy       | 15/12/2005 | CCQ2318A | 1           | Duy       | 5.7        | 6,5         | 6,2     |         |
| 16  | 2123180027 | Lê Văn Hạ          | 17/07/2005 | CCQ2318A | 1           | Ha        | 6.7        | 3,0         | 4,5     |         |
| 17  | 2123180005 | Đoàn Công Hiền     | 02/08/2005 | CCQ2318A | 1           | Hien      | 6.0        | 3,5         | 4,5     |         |
| 18  | 2123180024 | Phạm Xuân Hiệp     | 25/05/2005 | CCQ2318A |             |           | 0.0        |             |         | Y       |
| 19  | 2121180061 | Lưu Hoài Hiếu      | 20/09/2003 | CCQ2118B | 1           | Hu        | 7.0        | 4,5         | 5,5     |         |
| 20  | 2123180018 | Trần Quốc Hưng     | 15/07/2004 | CCQ2318A |             |           | 2.0        | 0,0         | 0,8     |         |
| 21  | 2123180036 | Hồ Vĩnh Khang      | 26/10/2005 | CCQ2318B | 1           | Khang     | 8.3        | 5,5         | 6,6     |         |
| 22  | 2123180017 | Đặng Duy Khánh     | 26/03/2005 | CCQ2318A | 1           | Kh        | 5.0        | 3,0         | 3,8     |         |
| 23  | 2123180016 | Nguyễn Đỗ Anh Khoa | 31/03/2005 | CCQ2318A |             |           | 5.3        | 0,0         | 2,1     |         |
| 24  | 2123180022 | Hồ Trọng Kiên      | 09/11/2005 | CCQ2318A | 1           | Kien      | 5.0        | 3,5         | 4,1     |         |
| 25  | 2123180051 | Trương Gia Kiệt    | 10/01/2001 | CCQ2318B | 1           | Kiet      | 2.7        | 3,0         | 2,9     |         |
| 26  | 2123180068 | Lê Văn Lương       | 20/03/2005 | CCQ2318B | 1           | Luong     | 8.3        | 7,0         | 7,5     |         |
| 27  | 2123180129 | Dương Nhật Nguyên  | 15/09/2004 | CCQ2318A | 1           | Nguyen    | 4.0        | 6,5         | 5,5     |         |
| 28  | 2123180056 | Trần Ngọc Phong    | 08/08/2005 | CCQ2318B | 1           | Phong     | 7.0        | 5,0         | 5,8     |         |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Kỹ thuật lạnh ứng dụng  
(22803201)

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B107

Cán bộ coi thi 1Cán bộ coi thi 2G.Viên chấm thi 1G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Huỳnh Anh

Nguyễn Tấn

Nguyễn Tấn

26

26

27

| STT | Mã SV      | Họ và Tên        | Phú | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT<br>(40%) | Đ.Thi<br>(60%) | Điểm<br>HP | Ghi<br>chú |
|-----|------------|------------------|-----|------------|----------|----------------|-----------|---------------|----------------|------------|------------|
| 29  | 2123180032 | Nguyễn Huỳnh Anh | Phú | 07/08/2005 | CCQ2318A | 1              | Phú       | 6.0           | 4,5            | 5,1        |            |
| 30  | 2123180122 | Nguyễn Tấn       | Phú | 07/01/2005 | CCQ2318A | 1              | Phú       | 7.7           | 6,5            | 7,0        |            |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Kỹ thuật lạnh ứng dụng  
(22803201)

Ngày thi: 20/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B108

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

*(Handwritten signatures and names of examiners and graders)*

| STT | Mã SV      | Họ và Tên       | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV          | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|------------|----------|-------------|--------------------|------------|-------------|---------|---------|
| 1   | 2123180033 | Hồ Vũ Phước     | 22/03/2002 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 7.3        | 5,5         | 6,2     |         |
| 2   | 2123180099 | Huỳnh Vũ Minh   | 05/06/2005 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 6.7        | 3,5         | 4,8     |         |
| 3   | 2123180009 | Lê Anh          | 15/03/2005 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 6.0        | 3,5         | 4,5     |         |
| 4   | 2123180063 | Nguyễn Minh     | 04/03/2005 | CCQ2318B | 1           | <i>(Signature)</i> | 5.3        | 5,5         | 5,4     |         |
| 5   | 2123180028 | Trần Ngọc       | 04/02/2005 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 8.0        | 7,0         | 7,4     |         |
| 6   | 2123180002 | Lê Chí          | 01/09/2004 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 8.0        | 6,5         | 7,1     |         |
| 7   | 2123180049 | Trương Thành    | 05/11/2005 | CCQ2318B |             |                    | 0.0        |             |         | ✓       |
| 8   | 2123180121 | Phạm Duy        | 28/06/2005 | CCQ2318B |             |                    | 5.3        | 0,0         | 2,1     |         |
| 9   | 2123180030 | Nguyễn Đức      | 06/11/2005 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 8.0        | 3,0         | 5,0     |         |
| 10  | 2123180026 | Trần Quang      | 25/01/2005 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 7.3        | 6,0         | 6,5     |         |
| 11  | 2123180100 | Huỳnh Công      | 26/05/2005 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 6.3        | 6,0         | 6,1     |         |
| 12  | 2123180052 | Ngô Văn         | 17/07/2004 | CCQ2318B | 1           | <i>(Signature)</i> | 7.7        | 4,0         | 5,5     |         |
| 13  | 2123180106 | Phan Nhật Anh   | 10/03/2004 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 6.3        | 3,5         | 4,6     |         |
| 14  | 2123180031 | Nguyễn Thành    | 01/01/2005 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 6.0        | 4,0         | 4,8     |         |
| 15  | 2123180058 | Nguyễn Thái Bảo | 26/08/2005 | CCQ2318B | 1           | <i>(Signature)</i> | 4.3        | 5,5         | 5,0     |         |
| 16  | 2123180120 | Nguyễn Thanh    | 17/09/2005 | CCQ2318B |             |                    | 0.0        |             |         | ✓       |
| 17  | 2123180064 | Nguyễn Kế       | 03/07/2005 | CCQ2318B | 1           | <i>(Signature)</i> | 6.7        | 4,5         | 5,4     |         |
| 18  | 2123180004 | Nguyễn Sĩ       | 03/03/2005 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 6.3        | 5,5         | 5,8     |         |
| 19  | 2123180065 | Nguyễn Thanh    | 05/11/2005 | CCQ2318B | 1           | <i>(Signature)</i> | 6.0        | 4,0         | 4,8     |         |
| 20  | 2123180019 | Lê Kế           | 28/01/2005 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 6.3        | 6,0         | 6,1     |         |
| 21  | 2123180071 | Long Thanh      | 27/12/2005 | CCQ2318B |             |                    | 4.3        | 0,0         | 1,7     | ✓       |
| 22  | 2123180048 | Nguyễn Minh     | 20/06/2005 | CCQ2318B | 1           | <i>(Signature)</i> | 6.3        | 5,5         | 5,8     |         |
| 23  | 2123180038 | Phạm Quang      | 24/03/2005 | CCQ2318B | 1           | <i>(Signature)</i> | 8.0        | 4,5         | 5,9     |         |
| 24  | 2123180007 | Huỳnh Anh       | 04/01/2005 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 8.0        | 4,5         | 5,9     |         |
| 25  | 2123180060 | Trương Quốc     | 12/10/2004 | CCQ2318B | 1           | <i>(Signature)</i> | 7.3        | 6,5         | 6,8     |         |
| 26  | 2123180047 | Đặng Quang      | 28/11/2005 | CCQ2318B | 1           | <i>(Signature)</i> | 5.7        | 4,5         | 5,0     |         |
| 27  | 2123180076 | Phan Trọng      | 16/11/2005 | CCQ2318B | 1           | <i>(Signature)</i> | 4.0        | 6,5         | 5,5     |         |
| 28  | 2123180014 | Nguyễn Hoàng    | 02/01/2005 | CCQ2318A | 1           | <i>(Signature)</i> | 3.3        | 6,0         | 4,9     |         |

## Học kỳ 1 (2024-2025)

Phòng thi: B108

G. Viên chấm thi 2

Số tờ giấy thi: 2.

| STT | Mã SV      | Họ và Tên      | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT<br>(40%) | Đ.Thi<br>(60%) | Điểm<br>HP | Ghi<br>chú |
|-----|------------|----------------|------------|----------|----------------|-----------|---------------|----------------|------------|------------|
| 29  | 2123180042 | Nguyễn Xuân Vũ | 26/12/2005 | CCQ2318B | 1              | Vũ        | 5.7           | 2,5            | 3,8        |            |